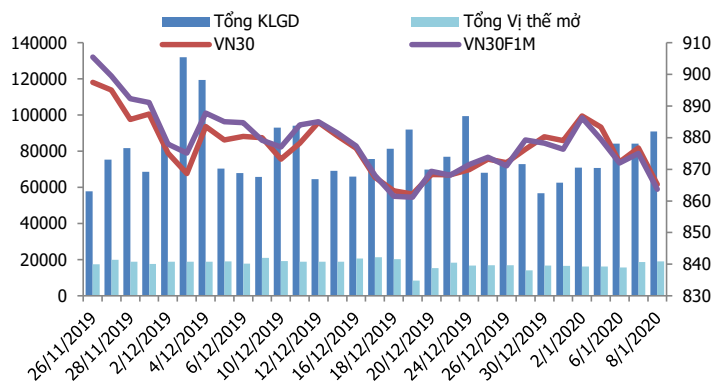


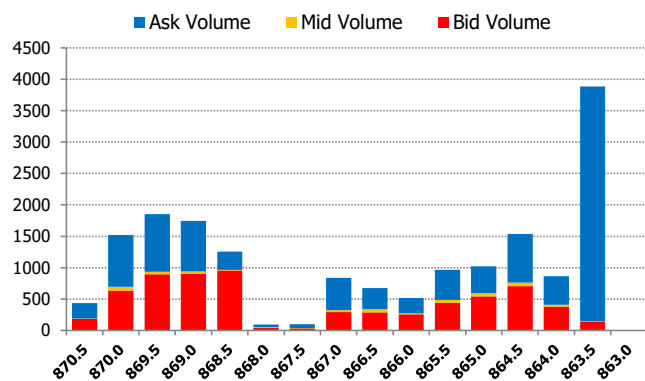
DIỄN BIẾN THANH KHOẢN HẾT L



DIỄN BIẾN CHỈ SỐ HẾT L CÁC KỲ HẠN

Hợp đồng	Giá	% Chg	KLGD	% Chg	OI	% Chg
VN30F2001	863.7	-1.29	90,489	7.7	18,340	1.3
VN30F2002	866.5	-1.03	287	77.2	258	57.3
VN30F2006	871.1	-1.59	96	54.8	177	3.5
VN30F2009	875.9	-0.97	55	66.7	208	-2.3
Tổng			90,927	7.9	18,983	1.8

THANH KHOẢN THEO TỪNG MỨC GIÁ VN30F1M



NHẬN ĐỊNH DIỄN BIẾN GIAO DỊCH HẾT L

- Áp lực bán chiếm ưu thế khiến thị trường trong nước ghi nhận một phiên điều chỉnh mạnh, với 4 HẾT L đóng cửa ghi nhận giảm từ 8,6 đến 14,1 điểm, trong khi đó chỉ số cơ sở VN30 cũng giảm mạnh 11,52 điểm. Do đó, basis của các hợp đồng tương lai tiếp tục có sự phân hóa, hiện nằm trong khoảng từ +1,48 điểm đến +10,72 điểm.
- Thanh khoản thị trường tăng so với phiên trước, tổng khối lượng giao dịch toàn thị trường đạt 90.927 hợp đồng tăng 7,92%. Trong đó, thanh khoản tập trung nhiều ở hợp đồng tháng 1 với 90.489 hợp đồng.
- Giá lý thuyết (FV) MBS tính toán tham khảo cho phiên giao dịch tới cho hợp đồng VN30F2001 là 866,29 điểm (cao hơn 2,59 điểm so với giá thị trường). Tương tự, giá lý thuyết tham khảo cho hợp đồng VN30F2002 là 871,14 điểm (+4,64 điểm), VN30F2003 là 887,85 điểm (+16,75 điểm) và VN30F2006 là 900,84 điểm (+24,94 điểm).

XU HƯỚNG CHỈ SỐ VN30F1M

Khung thời gian	15m	1h	Daily
Tổng kết	SELL	SELL	NEUTRAL
Hỗ trợ	863-865	860-863	858-863
Kháng cự	875-878	880-884	890-894

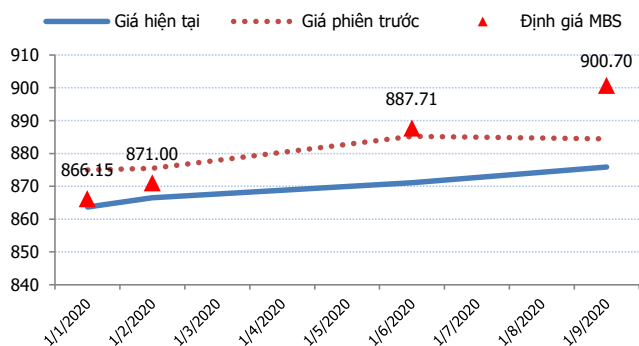
ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30F1M



DIỄN BIẾN CHÊNH LỆCH GIÁ HĐTL

Spread HĐTL	Hiện tại	Phiên trước	+/-	MA5
VN30F2M - VN30F1M	2.8	0.50	2.3	1.52
VN30F1Q - VN30F1M	7.4	10.20	-2.8	8.68
VN30F1Q - VN30F2M	4.6	9.70	-5.1	7.16
VN30F2Q - VN30F1M	12.2	9.50	2.7	10.92
VN30F2Q - VN30F2M	9.4	9.00	0.4	9.4
VN30F2Q - VN30F1Q	4.8	-0.70	5.5	2.24

ĐƯỜNG CONG GIÁ HĐTL CÁC KỲ HẠN



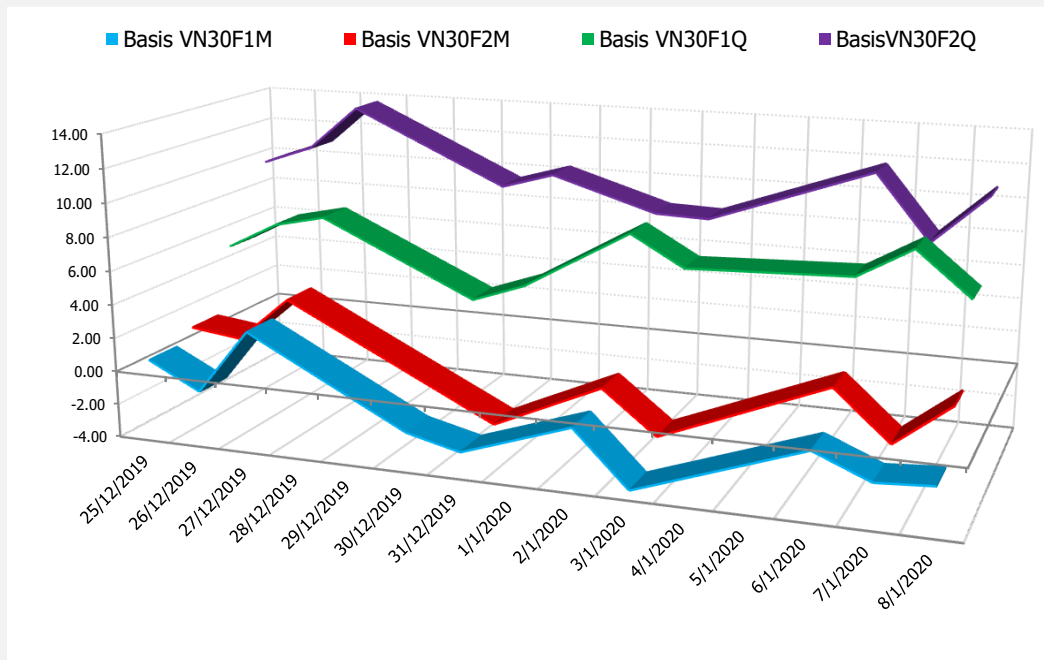
DIỄN BIẾN GIÁ HỢP ĐỒNG VN30F1M VÀ VN30F2M



NHẬN ĐỊNH CHÊNH LỆCH GIÁ HĐTL

- Áp lực bán chiếm ưu thế khiến thị trường trong nước ghi nhận một phiên điều chỉnh mạnh, với 4 HĐTL đóng cửa ghi nhận tăng từ 8,6 đến 14,1 điểm, trong khi đó chỉ số cơ sở VN30 cũng giảm mạnh 11,52 điểm. Do đó, basis của các hợp đồng tương lai tiếp tục có sự phân hóa, hiện nằm trong khoảng từ +1,48 điểm đến +10,72 điểm. Cụ thể, basis hợp đồng kỳ hạn tháng 1 giảm nhẹ từ +1,7 điểm xuống +1,48 điểm, trong khi hợp đồng kỳ hạn xa nhất VN30F2006 tăng từ +7,8 điểm lên +10,72 điểm.
- Trong khi đó, chênh lệch giá giữa các hợp đồng tương lai có xu hướng mở rộng trong phiên hôm nay, hiện nằm trong khoảng từ +2,8 đến +12,2 điểm vào cuối phiên hôm nay. Trong đó, chênh lệch giá hai hợp đồng kỳ hạn xa (VN30F2006-VN30F2003) đóng cửa phiên hôm nay đã tăng lên +4,8 điểm so với mức -0,7 điểm phiên trước. Nhà đầu tư vẫn có thể theo dõi và mở vị thế Long spread đối với cặp hợp đồng này ở mức giá hợp lý.

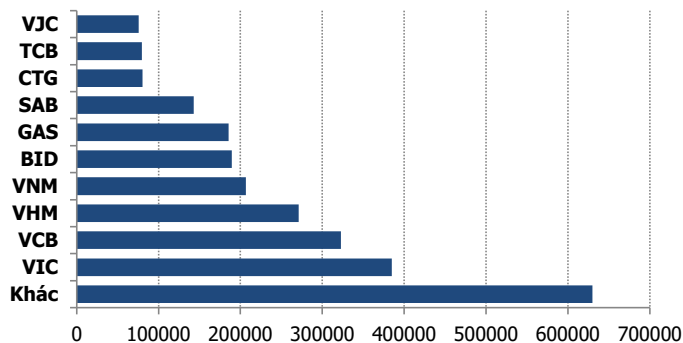
DIỄN BIẾN BASIS CÁC HĐTL



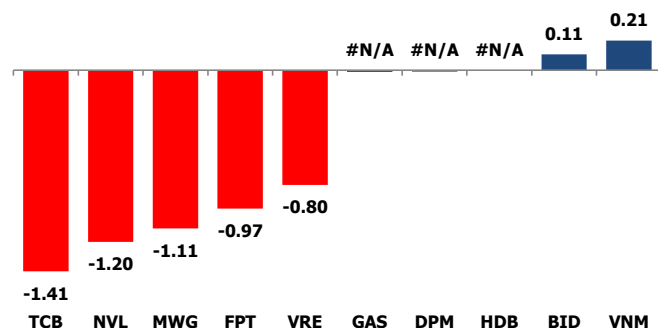
THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

	VNIndex	VN30
Đóng cửa	948.98	865.18
Thay đổi	-9.90	-11.52
%Chg	-1.03	-1.31
YTD	-1.25	-1.58
Vốn hóa (ngh.tỷ đồng)	3,240.25	2,570.28
P/E	15.62	12.56
P/B	2.26	2.09

TOP 10 CỔ PHIẾU VỐN HÓA TRONG VN30



CÁC MÃ ẢNH HƯỞNG LỚN NHẤT TỚI VN30-INDEX



NHẬN ĐỊNH CHỈ SỐ VN30

- Căng thẳng chính trị Mỹ - Iran đã khiến thị trường tài chính Châu Á "đỏ lửa" trong phiên 8/1 và thị trường Việt Nam cũng không ngoại lệ. Các Bluechips như FPT, MSN, HPG, VIC, PNJ, VRE, MWG, VHM, VCB...đồng loạt giảm sâu đã ảnh hưởng tiêu cực tới thị trường. Đà giảm không chỉ diễn ra ở nhóm Bluechips mà còn lan rộng ra nhiều nhóm ngành khác như chứng khoán, ngân hàng, bất động sản, xây dựng...
- Chốt phiên, chỉ số VN30 giảm 11,52 điểm (-1,31%) xuống 865,18 điểm. Hệ số tăng/giảm ghi nhận có 02 mã tăng/27 mã giảm. Khối lượng giao dịch của nhóm VN30 đạt 122,99 triệu cổ phiếu tương ứng giá trị 3.163 tỷ đồng.
- Khối ngoại tiếp tục bán ròng hơn 170 tỷ trên toàn thị trường. Lực bán tập trung vào các cổ phiếu như CTG (255,86 tỷ đồng), POW (20,44 tỷ đồng), HDB (15,79 tỷ đồng), GAS (12,74 tỷ đồng)...Ở chiều ngược lại, họ mua ròng các mã như VNM (66,55 tỷ đồng), HPG (31,07 tỷ đồng), E1VFN30 (27,33 tỷ đồng)....

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30

Đồ thị kỹ thuật chỉ số VN30



DIỄN BIẾN CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

Chỉ số	Điểm số	%Chg	P/E	YTD
VNIIndex	948.98	(1.03)	15.62	(1.25)
Dow Jones	28,745.09	0.56	19.76	0.72
S&P500	3,253.05	0.49	21.77	0.69
Nikkei 225	23,603.21	1.72	18.78	(0.23)
Shanghai	3,066.89	(1.22)	14.60	0.55
DAX	13,320.18	0.71	24.71	0.54
Vàng	1,560.42	0.26		2.84
Dầu WTI	59.98	0.62		(1.77)

LỊCH THÔNG TIN KINH TẾ THẾ GIỚI

	Kỳ trước	Dự báo	Thực tế
Thứ Hai - 06/01/2020			
Nhật- PMI tháng 12	48.90	48.80	48.40
Mỹ- PMI dịch vụ	51.60	52.20	52.80
Thứ Ba - 07/01/2020			
EU- CPI tháng 12	1.00%	1.30%	1.30%
Mỹ - PMI sản xuất T12	53.90	54.50	55.00
Thứ Tư - 08/01/2020			
Mỹ- Tồn kho dầu thô hàng tuần	7900 M		5.945M
Mỹ - Thay đổi việc làm phi nông nghiệp	67K	150K	
Thứ Năm - 09/01/2020			
Trung Quốc - PMI tháng 12	0.4%		

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

- Chứng khoán Mỹ khởi sắc sau khi những nhận định của Tổng thống Mỹ Donald Trump về xung đột Iran đã xoa dịu đi những lo ngại về căng thẳng Mỹ - Iran leo thang. chỉ số Dow Jones tăng 161,41 điểm (+0,6%) lên 28.745,09 điểm. Chỉ số Nasdaq Composite cộng 0,7% lên 9.129,24 điểm, ghi nhận đỉnh cao trong phiên và đóng cửa tại mức kỷ lục mới. Chỉ số S&P 500 tiến 0,5% lên 3.253,05 và chạm đỉnh cao mọi thời đại trong phiên
- Các hợp đồng dầu thô tương lai giảm mạnh xuống mức đóng cửa thấp nhất kể từ giữa tháng 12/2019, giá dầu WTI sụt 3,09 USD (-4,9%) xuống 59,61 USD/thùng và giá dầu Brent mất 2,83 USD (-4,2%) còn 65,44 USD/thùng
- Giá vàng đang ở đỉnh 7 năm, do căng thẳng leo thang tại Trung Đông sau khi Mỹ không kích giết tướng Iran Qasem Soleimani cuối tuần trước. Nhà đầu tư đã đổ xô mua tài sản trú ẩn. Trong một báo cáo công bố hôm qua, UBS nhận định giá vàng năm nay sẽ dao động quanh 1.600 USD một ounce nhờ 3 yếu tố kể trên. Sáng nay, giá có lúc đã vượt 1.610 USD

NHẬN ĐỊNH CỔ PHIẾU BIẾN ĐỘNG MẠNH TRONG VN30

Độ rộng trong rổ VN30 nghiêng về bên bán với 27 mã tăng, 02 mã giảm và 01 mã đứng giá, trong đó có 11 mã giảm hơn 2%. Nếu xét về mức độ ảnh hưởng thì TCB và NVL là những mã có ảnh hưởng tiêu cực nhất tới VN30 khi cả hai khiến chỉ số giảm gần 2,6 điểm.

Phân tích kỹ thuật cổ phiếu TCB



DANH MỤC CỔ PHIẾU TRONG VN30

Cổ phiếu	Ngành	Tỷ trọng (%)	Giá	%Chg	H-L	GTGD	Điểm tác động	PE	PB
VNM	Food Producers	9.49	118,800	0.25	1.11%	98.974	0.21	21.49	7.59
TCB	Banks	8.23	22,750	-1.94	1.99%	39.101	-1.41	8.55	1.35
VIC	Real Estate Investment & Services	8.19	114,300	-0.35	0.97%	53.461	-0.25	71.91	4.90
HPG	General Industrials	6.18	23,450	-1.05	2.16%	150.515	-0.57	9.28	1.41
VJC	Travel & Leisure	6.03	144,800	-0.75	1.25%	60.395	-0.40	14.70	5.59
VPB	Banks	5.38	20,100	-1.23	2.26%	48.609	-0.58	6.02	1.22
MWG	Technology Hardware & Equipment	5.16	112,800	-2.42	1.95%	84.249	-1.11	13.56	4.43
VHM	Real Estate Investment & Services	4.90	82,500	-1.55	3.09%	45.615	-0.67	15.60	5.15
FPT	Fixed Line Telecommunications	4.90	56,800	-2.24	1.58%	103.654	-0.97	12.12	2.84
MBB	Banks	4.59	20,700	-1.43	1.45%	86.608	-0.58	6.35	1.22
MSN	Financial Services	4.16	56,000	-1.41	1.62%	41.312	-0.52	12.41	1.95
VCB	Banks	4.10	87,000	-0.91	1.97%	62.819	-0.33	16.49	3.97
NVL	Real Estate Investment & Services	3.26	54,000	-4.09	3.53%	24.111	-1.20	16.94	2.45
HDB	Banks	2.92	26,700	0.00	2.87%	51.708	0.00	9.22	1.68
EIB	Banks	2.87	17,300	-0.86	2.04%	2.57	-0.22	33.46	1.35
STB	Banks	2.86	9,980	-1.67	1.30%	44.9	-0.42	6.47	0.69
SAB	Beverages	2.50	223,200	-0.36	0.85%	6.845	-0.08	30.31	8.01
VRE	General Retailers	2.43	32,700	-3.68	2.76%	30.373	-0.80	31.66	2.68
PNJ	General Retailers	2.41	85,100	-2.07	3.57%	81.172	-0.44	17.59	4.60
BID	Banks	1.51	47,100	0.86	4.59%	57.783	0.11	22.33	2.86
GAS	Oil & Gas Producers	1.48	97,000	-0.10	2.06%	43.049	-0.01	16.48	4.08
CTG	Banks	1.03	21,650	-0.23	3.99%	215.174	-0.02	13.19	1.08
REE	Industrial Engineering	0.97	35,700	-2.59	2.81%	45.923	-0.22	6.36	1.11
SBT	Food Producers	0.87	18,600	-0.53	1.36%	22.729	-0.04	42.32	1.52
SSI	Financial Services	0.86	17,750	-2.74	3.13%	46.945	-0.21	10.03	0.93
GMD	Industrial Transportation	0.84	21,000	-3.45	3.33%	6.813	-0.26	10.78	1.00
BVH	Financial Services	0.78	66,000	-2.22	1.83%	10.794	-0.15	34.93	2.95
ROS	Construction & Materials	0.51	14,000	-6.98	10.71%	79.423	-0.33	40.35	1.34
DPM	Chemicals	0.31	12,500	-0.40	2.43%	3.85	-0.01	19.24	0.63
CTD	Construction & Materials	0.28	50,400	-2.14	2.19%	5.294	-0.05	5.12	0.47

STT	Thông tin cơ bản HĐTL VN30	Đặc điểm sản phẩm
1	Mã hợp đồng	VN30F-yy-mm
2	Tài sản cơ sở	Chỉ số cổ phiếu VN30
3	Hệ số nhân hợp đồng	100.000 đồng
4	Quy mô 01 hợp đồng	100.000 đồng * Điểm chỉ số VN30
5	Tháng đáo hạn	-Tháng hiện tại - Tháng tiếp theo - Hai tháng cuối 2 quý gần nhất
6	Phương thức giao dịch	- Giao dịch khớp lệnh; Giao dịch thỏa thuận
7	Thời gian giao dịch	GD Khớp lệnh định kỳ - ATO: 08h45 - 09h00 - ATC: 14h30 - 14h45 GD khớp lệnh liên tục - Sáng: 09h00 - 11h30 - Chiều: 13h00 - 14h30 GD Thỏa thuận - 08h45 - 14h45
8	Các loại lệnh giao dịch	LO, MOK, MAK, MTL, ATO, ATC.
9	Nguyên tắc khớp lệnh	Ưu tiên giá và thời gian.
10	Khối lượng giao dịch tối thiểu/lệnh	01 hợp đồng
11	Khối lượng giao dịch tối đa/lệnh	500 hợp đồng
12	Đơn vị yết giá/ Bước giá	0,1 điểm chỉ số = 0,1 * 100.000 = 10.000 đồng
13	Biên độ dao động	+/- 7%
14	Ngày giao dịch cuối cùng	Thứ 5 của tuần thứ 3 của tháng đáo hạn. Nếu rơi vào ngày nghỉ lễ thì sẽ được điều chỉnh lên ngày giao dịch liền trước.
15	Ngày thanh toán cuối cùng	Ngày làm việc liền sau ngày giao dịch cuối cùng.
16	Phương thức thanh toán	Thanh toán bằng tiền
17	Giá thanh toán hàng ngày	Giá hợp đồng phái sinh do HNX xác định để tính toán giá trị lãi/lỗ phát sinh cuối ngày của từng hợp đồng.
18	Giá thanh toán cuối cùng	Giá đóng cửa của chỉ số VN30 tại ngày giao dịch cuối cùng của HĐTL.
19	Giá tham chiếu	Giá thanh toán cuối ngày của hợp đồng tương lai trong ngày giao dịch liền trước.
20	Mở tài khoản	Nhà đầu tư cần có 2 tài khoản để tham gia giao dịch phái sinh: 1 tài khoản giao dịch tại các CTCK là thành viên giao dịch CKPS và 1 tài khoản ký quỹ tại các CTCK là thành viên bù trừ CKPS.
21	Giới hạn vị thế nắm giữ tối đa trên 1 TK	NĐT Chứng khoán chuyên nghiệp: 20.000 hợp đồng; NĐT tổ chức: 10.000 hợp đồng; NĐT cá nhân: 5.000 hợp đồng
22	Mức ký quỹ ban đầu	Tài sản nhà đầu tư phải đặt cọc với công ty môi giới đối với mỗi hợp đồng trước khi giao dịch. VSD quy định tỷ lệ ký quỹ ban đầu là 10% quy mô hợp đồng nhưng để phòng ngừa rủi ro, các CTCK thường yêu cầu mức ký quỹ cao hơn.
23	Mức ký quỹ duy trì	Tài sản ký quỹ tối thiểu trong TK đối với mỗi vị thế mở mà nhà đầu tư đang nắm giữ, thường ít hơn so với mức ký quỹ ban đầu.
24	Ký quỹ bổ sung	Nộp tài sản bổ sung để số dư TK ký quỹ không thấp hơn mức ký quỹ duy trì hoặc đóng bớt vị thế trên TK để đảm bảo tiếp tục giao dịch.
25	Thoát khỏi hợp đồng tham gia	Nhà đầu tư nắm giữ vị thế hợp đồng cho đến thời điểm đáo hạn hoặc thoát khỏi vị thế trước thời điểm đáo hạn bằng cách đặt một/nhiều lệnh tại vị thế đối nghịch với vị thế trước đó.

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền năm 2017 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.

MBS HỘI SỞ

Tòa nhà MB, số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Tel: +84 24 3726 2600 - Fax: +84 24 3726 2601
[Webiste: www.mbs.com.vn](http://www.mbs.com.vn)
Hotline: **1900 9088**

MBS RESEARCH | BỘ PHẬN CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG

Trần Hoàng Sơn	Trưởng bộ phận/Kiểm soát	son.tranhoang@mbs.com.vn
Phạm Văn Quỳnh	Chuyên viên nghiên cứu	quynh.phamvan@mbs.com.vn
Nguyễn Hòa Hợp	Chuyên viên nghiên cứu	hop.nguyenhoa@mbs.com.vn
Nguyễn Thị Hải Hà	Chuyên viên nghiên cứu	ha.nguyenthai@mbs.com.vn